

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 18/07/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Cao Cường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/03/2016
Ông Vũ Văn Trục	Ủy viên	
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên	
Ông Đặng Trần Phúc	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Tụ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 29 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng *Nguyễn Thanh Tùng*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		217.925.830.158	185.744.740.112
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	106.497.787.957	101.195.986.500
111	1. Tiền		73.092.787.957	42.630.286.500
112	2. Các khoản tương đương tiền		33.405.000.000	58.565.700.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.885.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.885.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.432.646.206	83.613.381.663
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	89.888.032.733	72.314.094.514
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.693.207.383	896.108.720
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	14.851.406.090	10.403.178.429
140	IV. Hàng tồn kho	9	445.969.395	420.081.891
141	1. Hàng tồn kho		445.969.395	420.081.891
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		664.426.600	515.290.058
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	664.426.600	127.916.942
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	387.373.116
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		165.464.693.861	172.630.438.585
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		25.327.873.000	29.227.873.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	25.150.000.000	29.050.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	177.873.000	177.873.000
220	II. Tài sản cố định		60.267.955.985	63.954.031.709
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	55.838.821.647	60.228.755.850
222	- Nguyên giá		93.462.268.661	93.144.305.934
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.623.447.014)	(32.915.550.084)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.429.134.338	3.725.275.859
228	- Nguyên giá		5.812.569.453	4.946.669.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.383.435.115)	(1.221.393.594)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		975.011.000	554.680.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	975.011.000	554.680.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	78.893.853.876	78.893.853.876
251	1. Đầu tư vào công ty con		64.628.344.000	64.628.344.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.765.509.876	12.765.509.876
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	1.500.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		383.390.524.019	358.375.178.697

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		94.266.592.995	80.506.678.359
310	I. Nợ ngắn hạn		94.266.592.995	80.506.678.359
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	56.301.541.146	35.028.445.498
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	5.986.514.779	7.538.326.498
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.810.352.653	787.339.758
314	4. Phải trả người lao động		120.077.000	5.925.378.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	107.801.818
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	25.590.354.311	30.327.211.191
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.457.753.106	792.175.596
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		289.123.931.024	277.868.500.338
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	289.123.931.024	277.868.500.338
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		108.330.890.000	108.330.890.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>108.330.890.000</i>	<i>108.330.890.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		41.816.120.654	41.816.120.654
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.300.120.000)	(400.120.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		28.489.813.644	24.989.189.178
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		69.826.417.931	55.786.103.434
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.960.808.795	47.346.317.072
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>12.535.090.409</i>	<i>12.340.072.409</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>29.425.718.386</i>	<i>35.006.244.663</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		383.390.524.019	358.375.178.697

Đoàn Thu Hà

Nguyễn Thanh Tuyền



Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	226.905.252.026	208.422.105.984
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		226.905.252.026	208.422.105.984
11	4. Giá vốn hàng bán	20	175.495.596.702	162.799.557.956
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.409.655.324	45.622.548.028
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	10.410.461.237	8.169.135.110
22	7. Chi phí tài chính	22	613.397.250	115.775.712
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	19.696.518.966	17.844.091.481
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	6.863.024.046	6.058.143.216
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.647.176.299	29.773.672.729
31	11. Thu nhập khác		23.390.000	748.600.694
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		23.390.000	748.600.694
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.670.566.299	30.522.273.423
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	5.244.847.913	5.086.977.563
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		29.425.718.386	25.435.295.860

Đoàn Thu Hà

Nguyễn Thanh Tuyên



Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyên
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		34.670.566.299	30.522.273.423
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.869.938.451	4.394.585.310
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		561.441.967	(517.272.515)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.909.667.412)	(8.395.750.569)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.192.279.305	26.003.835.649
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(23.349.676.427)	(4.612.778.689)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(25.887.504)	(217.609.231)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.259.240.716	(3.276.665.977)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(536.509.658)	535.956.755
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.450.559.228)	(2.400.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(550.094.690)	(736.874.901)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.538.792.514	15.295.863.606
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.604.193.727)	(5.778.547.489)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	6.560.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.885.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.900.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.900.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.827.452.412	7.651.862.595
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.238.258.685	2.533.315.106
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(900.000.000)	(100.030.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.013.807.775)	(72.751.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.913.807.775)	(172.781.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5.863.243.424	17.656.397.712
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		101.195.986.500	76.280.140.017
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(561.441.967)	517.272.515
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>106.497.787.957</u>	<u>94.453.810.244</u>





Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 18/07/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 108.330.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 108.330.890.000 đồng; tương đương 10.833.089 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải và đại lý vận tải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý vận tải. Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa. Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa. Đại lý tàu biển. Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển. Hoạt động của các đại lý vé máy bay;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh). Vận tải đa phương thức quốc tế.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng vụ việc chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 9.488,4 m² đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm và trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng có liên quan.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.150.086.658	1.026.835.881
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	71.942.701.299	41.603.450.619
Các khoản tương đương tiền	33.405.000.000	58.565.700.000
	<u>106.497.787.957</u>	<u>101.195.986.500</u>

Tại ngày 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 33.405.000.000 VND (tương đương với 1.500.000 USD) được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất 0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2016		01/01/16	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (lãi suất từ 6%/năm-6,5%/năm)	2.885.000.000	2.885.000.000	-	-
	2.885.000.000	2.885.000.000	-	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	64.628.344.000	-	64.628.344.000	-
- Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	3.628.344.000	-	3.628.344.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	12.765.509.876	-	12.765.509.876	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	4.350.780.000	-	4.350.780.000	-
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.385.600.000	-	3.385.600.000	-
- Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	5.029.129.876	-	5.029.129.876	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
	78.893.853.876	-	78.893.853.876	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH SITC Việt Nam ⁽²⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi ⁽³⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312441747 đăng ký lần đầu ngày 31/8/2013 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi là 1 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI sở hữu 100%. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 30/06/2016 là 1 tỷ đồng.

(2) Theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI với Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited và Giấy chứng nhận đầu tư số 021022000145 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2009 vốn điều lệ của Công ty TNHH SITC Việt Nam là 400.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 204.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited góp 196.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312971945 đăng ký lần đầu ngày 15/10/2014 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI là 6 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI cam kết góp toàn bộ. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 30/06/2016 là 60 tỷ đồng. Đến thời điểm 30/06/2016, Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI đang làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) ⁽⁴⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam ⁽⁵⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam ⁽⁶⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	35,00%	35,00%	Đại lý vận tải

- (4) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (tên cũ là Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)) là 600.000 USD, trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đang thực hiện các thủ tục để giải thể. Việc thanh lý khoản đầu tư sẽ thực hiện khi hoàn tất thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá gốc khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.

- (5) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn, Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt và KCTC và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

- (6) Theo Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 09 năm 2014 thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam là 15.401.445.000 đồng (tương đương 874.300 USD). Trong đó, vốn góp của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI là 306.000 USD đồng chiếm 35% vốn điều lệ; Công ty Freightworld Pte.Ltd là 568.300 USD chiếm 65% vốn điều lệ. Số vốn điều lệ bổ sung là 274.300 USD (tăng từ 600.000 USD lên 874.300 USD) được hoàn tất việc góp vốn trong vòng 36 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 04. Theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam, các bên tham gia góp vốn thống nhất tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của các bên vẫn giữ nguyên như Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu cho đến khi các bên tham gia góp vốn bổ sung thực hiện việc góp vốn thực tế. Tại ngày 01/07/2015, số vốn bổ sung đã được Công ty Freightworld Pte.Ltd góp đầy đủ. Vì vậy, kể từ ngày 01/07/2015 khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam thay đổi tỷ lệ lợi ích và biểu quyết từ 51% xuống 35% và được Công ty ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Số cổ phiếu đang nắm giữ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	Hà Nội	1.500.000	Dịch vụ vận tải

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Phải thu các hãng Forwarding	1.548.830.901	18.062.253.121
Phải thu các hãng Tàu	14.996.507.760	1.684.067.436
Phải thu khách hàng giao nhận	20.901.688.708	21.358.703.707
Phải thu khách hàng kho và đội xe	7.775.435.709	5.476.121.645
Phải thu khách hàng đường biển và đường không	44.623.436.685	25.732.948.605
Các khoản phải thu khách hàng khác	42.132.970	-
	<u>89.888.032.733</u>	<u>72.314.094.514</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dịch vụ Air	803.172.557	-	-	-
Dịch vụ Sea	438.417.495	-	-	-
Dịch vụ Logistic	794.607.973	-	-	-
Dịch vụ đại lý tàu	657.009.358	-	896.108.720	-
	<u>2.693.207.383</u>	<u>-</u>	<u>896.108.720</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	25.150.000.000	29.050.000.000
	<u>25.150.000.000</u>	<u>29.050.000.000</u>

Khoản tiền Công ty cho Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi vay không tính lãi để thanh toán các khoản nợ từ việc mua tòa nhà 209 - Nguyễn Văn Thù - Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	82.215.000	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	56.916.746	-	74.513.272	-
Tạm ứng	8.639.085.326	-	3.998.019.583	-
Ký cược, ký quỹ	2.007.091.870	-	1.925.754.312	-
Phải thu cược nhập các hãng đại lý	2.932.355.650	-	2.716.984.260	-
Phải thu khác	1.133.741.498	-	1.687.907.002	-
	14.851.406.090	-	10.403.178.429	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	177.873.000	-	177.873.000	-
	177.873.000	-	177.873.000	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	56.532.548	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	389.436.847	-	420.081.891	-
	445.969.395	-	420.081.891	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định		
- Phần mềm kinh doanh	-	84.000.000
- Phần mềm kế toán	-	470.680.000
- Xe đầu kéo	975.011.000	-
	975.011.000	554.680.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	36.305.604.855	256.460.534	55.563.165.831	1.019.074.714	93.144.305.934					
- Mua trong kỳ	-	-	317.962.727	-	317.962.727					
Số dư cuối kỳ	36.305.604.855	256.460.534	55.881.128.558	1.019.074.714	93.462.268.661					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	13.028.389.897	60.553.184	18.932.960.913	893.646.090	32.915.550.084					
- Khấu hao trong kỳ	836.950.836	21.371.712	3.817.636.598	31.937.784	4.707.896.930					
Số dư cuối kỳ	13.865.340.733	81.924.896	22.750.597.511	925.583.874	37.623.447.014					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	23.277.214.958	195.907.350	36.630.204.918	125.428.624	60.228.755.850					
Tại ngày cuối kỳ	22.440.264.122	174.535.638	33.130.531.047	93.490.840	55.838.821.647					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.526.914.563 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.517.324.453	429.345.000	4.946.669.453
- Mua trong kỳ	-	865.900.000	865.900.000
Số dư cuối kỳ	4.517.324.453	1.295.245.000	5.812.569.453
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	863.606.094	357.787.500	1.221.393.594
- Khấu hao trong kỳ	66.431.243	95.610.278	162.041.521
Số dư cuối kỳ	930.037.337	453.397.778	1.383.435.115
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.653.718.359	71.557.500	3.725.275.859
Tại ngày cuối kỳ	3.587.287.116	841.847.222	4.429.134.338

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	664.426.600	127.916.942
	664.426.600	127.916.942

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Phải trả các công ty dịch vụ hàng không	17.107.836.611	17.107.836.611	17.947.904.917	17.947.904.917
Phải trả các công ty dịch vụ đường biển	8.962.759.509	8.962.759.509	2.790.186.225	2.790.186.225
Phải trả các công ty dịch vụ Logistic	19.788.444.453	19.788.444.453	13.605.186.433	13.605.186.433
Phải trả dịch vụ đại lý tàu	10.023.608.628	10.023.608.628	69.312.530	69.312.530
Phải trả dịch vụ khác	418.891.945	418.891.945	615.855.393	615.855.393
	56.301.541.146	56.301.541.146	35.028.445.498	35.028.445.498

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Người mua trả tiền trước các hãng Forwarding	5.077.147.729	2.786.071.778
Người mua trả tiền trước các hãng tàu	411.977.431	4.440.895.437
Người mua trả tiền trước khác	497.389.619	311.359.283
	5.986.514.779	7.538.326.498

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		197.436.866		3.127.858.071		2.558.444.125		-			766.850.812
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		271.703.907		5.244.847.913		2.450.559.228		-			3.065.992.592
Thuế Thu nhập cá nhân	-		318.198.985		2.089.593.491		1.430.283.227		-			977.509.249
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		68.806.150		68.806.150		-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		10.300.000		10.300.000		-			-
			787.339.758		10.541.405.625		6.518.392.730					4.810.352.653

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
- Kinh phí công đoàn	569.040.501		554.628.660	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	359.012.841		1.480.352.479	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	182.413.855		141.606.130	
- Phải trả cước nhập các hãng đại lý	22.748.056.907		25.450.174.797	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.731.830.207		2.700.449.125	
	25.590.354.311		30.327.211.191	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,

Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	103.177.040.000	41.816.120.654	41.816.120.654	-	-	12.899.497.006	-	81.648.474.134	-	239.541.131.794	-	239.541.131.794	-	239.541.131.794
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25.435.295.860	-	25.435.295.860	-	25.435.295.860
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	12.089.692.172	-	55.786.103.434	-	(69.308.401.725)	-	(1.432.606.119)	-	(1.432.606.119)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(100.030.000)	-	-	-	-	-	-	-	(100.030.000)	-	(100.030.000)
Số dư cuối kỳ trước	103.177.040.000	41.816.120.654	41.816.120.654	(100.030.000)	(100.030.000)	24.989.189.178	24.989.189.178	55.786.103.434	55.786.103.434	37.775.368.269	37.775.368.269	263.443.791.535	263.443.791.535	263.443.791.535
Số dư đầu năm nay	108.330.890.000	41.816.120.654	41.816.120.654	(400.120.000)	(400.120.000)	24.989.189.178	24.989.189.178	55.786.103.434	55.786.103.434	47.346.317.072	47.346.317.072	277.868.500.338	277.868.500.338	277.868.500.338
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	29.425.718.386	-	29.425.718.386	-	29.425.718.386
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.500.624.466	-	14.040.314.497	-	(17.540.938.963)	-	(900.000.000)	-	(900.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(900.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	(1.215.672.200)	-	(1.215.672.200)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	108.330.890.000	41.816.120.654	41.816.120.654	(1.300.120.000)	(1.300.120.000)	28.489.813.644	28.489.813.644	69.826.417.931	69.826.417.931	(16.054.615.500)	(16.054.615.500)	289.123.931.024	289.123.931.024	289.123.931.024

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 05/NQ-HDQT ngày 17/05/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

Số tiền

VND

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lũy kế chưa phân phối

- Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST theo báo cáo tài chính riêng)

- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Trích Ngân sách hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát(3% LNST của cổ đông công ty mẹ theo báo cáo tài chính hợp nhất)

- Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ)

- Lợi nhuận chưa phân phối



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Hoàng Anh	18,16%	19.667.490.000	18,16%	19.667.490.000
Mutual fund Elite	4,78%	5.181.100.000	4,78%	5.181.100.000
America LLC	9,93%	10.761.200.000	6,01%	6.509.700.000
Halley Sicav	7,11%	7.697.700.000	5,99%	6.492.100.000
Bà Lê Dung Nhi	5,02%	5.440.080.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	53,80%	58.283.200.000	64,69%	70.080.380.000
Cổ phiếu quỹ	1,20%	1.300.120.000	0,37%	400.120.000
	100%	108.330.890.000	100%	108.330.890.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	108.330.890.000	103.177.040.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>108.330.890.000</i>	<i>103.177.040.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>108.330.890.000</i>	<i>103.177.040.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.054.615.500	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>16.054.615.500</i>	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.833.089	10.833.089
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.833.089	10.833.089
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.833.089</i>	<i>10.833.089</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	130.012	40.012
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>130.012</i>	<i>40.012</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.703.077	10.793.077
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.703.077</i>	<i>10.793.077</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	28.489.813.644	24.989.189.178
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	69.826.417.931	55.786.103.434
	98.316.231.575	80.775.292.612

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.198.164,97	3.920.757

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	226.905.252.026	208.422.105.984
	<u>226.905.252.026</u>	<u>208.422.105.984</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	175.495.596.702	162.799.557.956
	<u>175.495.596.702</u>	<u>162.799.557.956</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	164.243.689	663.924.975
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.745.423.723	6.987.937.620
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	500.793.825	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	517.272.515
	<u>10.410.461.237</u>	<u>8.169.135.110</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	51.955.283	115.775.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	561.441.967	-
	<u>613.397.250</u>	<u>115.775.712</u>

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	472.915.715	1.192.508.136
Chi phí nhân công	12.925.100.449	11.683.380.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	697.663.161	911.840.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.561.939.055	829.048.654
Chi phí khác bằng tiền	1.038.900.586	3.227.313.544
	<u>19.696.518.966</u>	<u>17.844.091.481</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.386.722	45.415.120
Chi phí nhân công	2.751.316.311	2.854.776.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	950.664.284	977.833.898
Thuế, phí, lệ phí	53.795.200	5.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.198.634.554	324.444.376
Chi phí khác bằng tiền	850.226.975	1.849.873.782
	6.863.024.046	6.058.143.216

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.670.566.299	30.522.273.423
Các khoản điều chỉnh tăng	635.554.833	105.562.000
- Chi phí không hợp lệ	74.112.866	105.562.000
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	561.441.967	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.745.423.723)	(7.505.210.135)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.745.423.723)	(6.987.937.620)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(517.272.515)
Thu nhập tính thuế TNDN	25.560.697.409	23.122.625.288
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	132.708.431	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.244.847.913	5.086.977.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	271.703.907	182.974.681
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.450.559.228)	(2.400.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	3.065.992.592	2.869.952.244

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.721.264.418	1.702.450.411
Chi phí nhân công	16.508.122.474	15.135.122.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.869.938.451	4.394.585.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.650.456.921	154.486.395.344
Chi phí khác bằng tiền	13.274.712.406	11.200.848.580
	202.024.494.670	186.919.401.884

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.497.787.957	-	-	106.497.787.957
Phải thu khách hàng, phải thu khác	104.739.438.823	177.873.000	-	104.917.311.823
Các khoản cho vay	28.035.000.000	-	-	28.035.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
	<u>239.272.226.780</u>	<u>1.677.873.000</u>	<u>-</u>	<u>240.950.099.780</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.195.986.500	-	-	101.195.986.500
Phải thu khách hàng, phải thu khác	82.717.272.943	177.873.000	-	82.895.145.943
Các khoản cho vay	29.050.000.000	-	-	29.050.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
	<u>212.963.259.443</u>	<u>1.677.873.000</u>	<u>-</u>	<u>214.641.132.443</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	81.891.895.457	-	-	81.891.895.457
	81.891.895.457	-	-	81.891.895.457
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	65.355.656.689	-	-	65.355.656.689
Chi phí phải trả	107.801.818	-	-	107.801.818
	65.463.458.507	-	-	65.463.458.507

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
kể toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động Logistic VND	Hoạt động Forwarding VND	Dịch vụ đại lý hãng tàu và hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	74.268.035.767	148.552.626.373	4.084.589.886	226.905.252.026	226.905.252.026
Chi phí bộ phận trực tiếp	49.552.704.557	124.183.366.384	1.759.525.761	175.495.596.702	175.495.596.702
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.715.331.210	24.369.259.989	2.325.064.125	51.409.655.324	51.409.655.324
Tổng chi phí mua TSCĐ	317.962.727	-	1.286.231.000	1.604.193.727	1.604.193.727
Tài sản bộ phận	125.487.007.887	251.001.987.662	6.901.528.470	383.390.524.019	383.390.524.019
Tổng tài sản	125.487.007.887	251.001.987.662	6.901.528.470	383.390.524.019	383.390.524.019
Nợ phải trả bộ phận	30.854.264.666	61.715.406.953	1.696.921.375	94.266.592.995	94.266.592.995
Tổng nợ phải trả	30.854.264.666	61.715.406.953	1.696.921.375	94.266.592.995	94.266.592.995

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016

